



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam Nguyễn Minh Son
Last Middle First

Current Address 414 Phan Boi Chau To 32 Ap Hoa My Hoi Giang Mỹ Xuyên

Date of Birth 12-18-41 Place of Birth Saigon

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Nguyễn Thị Tâm 1943 wife
Nguyễn Minh Bôn 1972 Son

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 05-02-77 to 09-04-84

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>None</u>			

Form Completed By FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
PO. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Name per documentation provided by
Address Mr Nguyễn M. Son

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

1/18/87

- Họ ~~tên~~ ^{AN} : NGUYEN - MINH - SON
 - Ngày và nơi sinh : 18 tháng 12 / 1941 Tại Saigon
 - Cấp bậc : Trung sĩ thông dịch viên.
 - Địa chỉ : 414 Phan Bội Châu - Tổ 32 ĐP HOA MỸ
Thị trấn Mỹ Đức - Hà Giang.
 - Gia cảnh : Vợ + 1 con
- Hồ sơ đính kèm :
- 1 giấy ra trận
 - 1 lệnh thả
 - 1 Chứng chỉ
 - 1 Narrative
 - 4 giấy khen
 - 1 hồ sơ + 1 khai tử.

HỘI NỘI MI

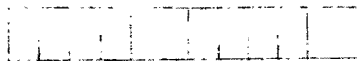
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ministry of the Interior
Đoàn Cảnh Sát An Ninh
Hàng T. Thành
Hà Nội

Trại 700A - Cầu Lộ

Đoàn Cảnh Sát An Ninh

Số 11 - 001



SHIELD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 566-BCA/TT ngày 31-5-1967 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định của số 47-DX ngày 15 tháng 10 năm 1984

của Hội đồng Xét xử Trưng Bối

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Trương Thế Chiêu

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh Nguyễn Minh Sơn

Sinh ngày tháng năm 1941

Nơi sinh Quận 3 TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 167 Đường Văn Tấn phường

An Cư TP Cần Thơ Hậu Giang

Cán tại "Ấm ruột lạt ruột Cần Quê Cách Mạng"

Bị bắt ngày 2-5-1975 An phần 10 năm tù giam

Theo quyết định, án văn số 46/15-S/ ngày 10 tháng 06 năm 1975 của Tòa Ái

Nhận dân tỉnh Hậu Giang

Đã bị tước án Khấu, cộng thành Khấu năm tháng

Đã được giảm án hết lần cộng thành 100% năm 01 tháng

Nay về cư trú tại 167 Đường Văn Tấn phường An Cư TP Cần Thơ TG

Nhận xét quá trình cải tạo

Tự nguyện có cá tính sẵn tạo

Chấp hành tốt nội qui nhà trại

Lao động tích cực thể hiện có đủ nội tâm cải

trường Sĩ phạm 100% quay này với Công quyền

địa phương trong thời gian một (01) ngày (kể từ ngày nay)

Lưu tay người trả

Cá Trương Thế Chiêu

Định biên số 002785

Lưu tay Trần Quang

Họ tên chữ ký
người được cấp giấy

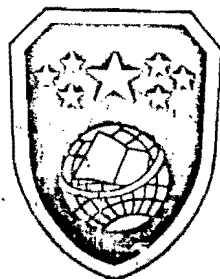
Trương



TRƯƠNG THẾ CHIỆU

TRẦN TÁ HIỆM N

CHỨNG CHỈ



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ QUÂN LỰC

BỘ TÒNG TỰ LỆNH

BỘ TỰ LỆNH QUÂN HUẤN

TRƯỞNG SINH NGŨ QUÂN ĐỘI

SS 01657 /TSNQĐ KT

Chứng nhận Trường Sĩ **Nguyễn-minh-Sơn**
tốt nghiệp theo học tùy từ lớp **THÔNG LỊCH VIÊN CẤP ĐỐC** Khóa **13/65**
mở lại trường Sinh-Ngũ Quân-Đội từ ngày **20** tháng **01** năm **1965**
đến ngày **09** tháng **03** năm **1965**, với số điểm trung-bình **70,40**
xếp hạng thứ **24** trong số **36** khóa sinh

K.B.C 3095, ngày **2** tháng **3** năm **1965**

TRƯỞNG SĨ PHẠM-THÔNG-TRƯỜNG
TRƯỞNG SĨ PHẠM-THÔNG-TRƯỜNG
TRƯỞNG SĨ PHẠM-THÔNG-TRƯỜNG
Phạm Thông Trường

NARRATIVE

Sergeant First Class SON NGUYEN MINH distinguished himself by exceptional meritorious service during the period March 1969 to Sept 1970 while serving as an ARVN Interpreter/translator Phong Ninh Province TAC, Advisory Team 56, Delta Military Assistance Command, United States Army Advisory Group, MIA, United States Military Command, Republic of Vietnam. During this period SFC SON's performance of duty was constantly outstanding. As interpreter/translator for MAC, S-3, S-2, GI/SH R/PF and FSC, SFC SON displayed a tremendous background, experience and knowledge in all phases of combat operations; FSC; and the precise interpretation of VN messages and directive into English. During the numerous times he has been called upon to perform in extremely hazardous combat condition, SFC SON always displayed those characteristics that are associated with an outstanding leader and a professional soldier.

After serving in Ba Xuyen Province (65-66), Advisor Team 51 Bac Lieu Province (66-67) and MACOCS Team 20, Bac Lieu Province (67-69), SFC SON was selected to work in the TAC with direct responsibility of night duty interpreter. SFC SON possesses a high degree of proficiency with the English language. He displays enthusiasm and knowledge in all functions with the Tactical Operation Center. His sincere dedication to duty has gained the respect and confidence of high ranking officers and men and contributed immensely to the advisory effort of Team 56 in the overall joint operation. SFC SON has on a number of occasions volunteered to go on MIO CMFs with the 307th Avn Bn on his own time. SFC SON's performance was in keeping with the highest tradition of the Army of the Republic of Viet Nam and reflects great credit upon himself and the military service.

Residential Address:

Nguyễn-minh-Sơn
444 Pháp Bội Châu
Tổ 32 Ấp Hòa Mỹ -
Thị trấn Mỹ Xuyên - HẬU GIANG



Số : 48/86 /LT)

L NH T HA

Tôi : Điền Văn Đông
Chức vụ : phó Trưởng Công An Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Hậu Giang.
Căn cứ quyết định miễn số : 48/K ngày 2 tháng 01 năm 86.
Đối với bị can : Đường Đức Chiến con trà nhà trai phòng
Căn cứ vào pháp luật hiện hành.

RA LỆNH THA

Họ và tên : Đường Đức Chiến bị danh Đường Đức Chiến
Sinh ngày : tháng năm 1941
Sinh quán : Quận Phú Nhuận, Phố Chí Minh
Trú quán : Ấp Thới Mỹ, Xã Tân Mỹ, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Hậu Giang
Nghề nghiệp : Thợ sửa

Ông Giám Thị trại tạm giam : Công An Huyện Mỹ Xuyên.
Thi hành khi nhận được lệnh này.
Lệnh này gửi đến Ông Viện Trưởng VKSND Mỹ Xuyên để tương.

Mỹ Xuyên, ngày 01 tháng 02 năm 86

Công An Huyện Mỹ Xuyên

P Trưởng Công An Huyện

Nơi nhận :

- Ông Viện Trưởng VKSND Huyện Mỹ Xuyên để tương.
- Ông Giám Thị trại tạm giam Công An Huyện Mỹ Xuyên để thi hành.
- Đường sự khi về trình với CA thị.

Đường Đức Chiến thợ sửa biết.

- Lưu hồ sơ.

Điền Văn Đông
Xác nhận
đã có tên em Đ
trình trình
Mỹ Xuyên 01-02/86
Lưu hồ sơ
Điền Văn Đông
Điền Văn Đông

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
BA-XUYEN
QUẬN LONG-PHU
XÃ AN-THANH-NHI

TRÍCH-LỤC

CHỨNG THU HÔN-THÚ

Số hiệu 03

Ông Nguyễn-minh-Sơn và bà Muih-thị-Tám
nhìn nhận có sanh được đứa Con sau đây :
I/- NGUYỄN-MINH-CHÁNH (Nam) sanh ngày 25-7-1.964
tại Quận-Nhi (Sài-Gòn) Tòa mình Chánh khai sanh số 5169 A
NGUYỄN-MINH-SƠN MUIH-THỊ-TÁM

(Ký)

(Ký)

Tên họ người chồng NGUYỄN-MINH-SƠN
nghề-nghiệp Quân nhân
sinh ngày 18 tháng 12 năm 1.941
tại Sài-Gòn
cư-sở tại Cố Vấn Mỹ Chi Khu Long-Phú
tạm trú tại An-Thanh-Nhi
Tên họ cha chồng NGUYỄN-VĂN-DỨC (sống) 48 tuổi
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-ĐÀU (Sống) 42 tuổi
(Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ MUIH-THỊ-TÁM
nghề-nghiệp Nội-trợ
sinh ngày 19 tháng 06 năm 1.943
tại Mỹ-Xuyen
cư-sở tại Trại gia đình binh Sĩ
tạm trú tại An-Thanh-Nhi
Tên họ cha vợ MUIH-VĂN-MÀO (chết)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ HUONG-THỊ-NHA (sống) 69 tuổi
(Sống chết phải nói)
— Ngày cưới Ngày ba, tháng hai DL năm 1.965
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế
ngày tháng năm
tại

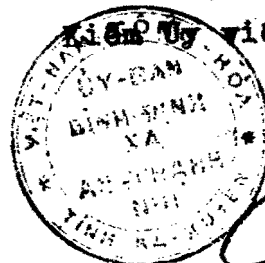
Trích y bản chính

An-Thanh-Nhi, ngày 21 tháng 04 năm 1.965

Viết tắt họ tên

CHỦ TỊCH

Kiến Ủy viên họ-Tịch



Muih-văn-Nai,

Kiến-Thị để hợp pháp hóa chữ ký
của Ủy Ban Bình Định Xã An-Thanh-Nhi
ở ngang đây.

LONG-PHU, ngày 21 tháng 04 năm 1.965

TL. QUẬN TRƯỞNG,

CHUYÊN NAM CÔNG ĐOÀ

Bàclieu

Vinhloi

Vinhloi

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM 1972.

Số hộ: 3232.

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn - minh - Bảo
Phái	Nam
Ngày sanh.	Ngày Sáu tháng Mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Nơi sanh	Vinhloi - Bàclieu
Tên, họ người cha. .	Nguyễn - minh - Sơn
Tuổi	Ba mươi mốt
Nghề-nghiệp	Quân-nhân
Nơi cư-ngụ	KBC.4460
Tên, họ người mẹ . .	Huỳnh - thị - Tạm
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Vinhloi
Vợ, chánh hay thứ. .	Vợ chánh

Làm tại Vinhloi, ngày 8 tháng II năm 1972.

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Vinhloi, ngày 9 tháng II năm 1972.

Xã-Trưởng Trần Văn Vây ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.



Trần -văn- Vây

MIỄN THỊ THỰC

HEADQUARTERS
PHONG DINH PROVINCE, MR IV
ADVISORY TEAM 56, APO 96215

MACDR-56-3

26 October 1972

SUBJECT: Letter of Commendation

TO: SFC NGUYEN-MINH-SON

Upon my departure from your country, I would like to take this opportunity to extend my gratitude for a job well done and my sincerest best wishes for you, your family, and your country.

It has been a distinct pleasure working with you throughout this past year and it is my belief that with men of your caliber, your country will succeed in its quest for freedom. It is hoped that you will eventually become the leaders of your communities based on the training and experience you have gained working with our advisory team.

It cannot be denied that without you, we could not have accomplished our advisory mission. You helped us bridge the communication gap between us and our counterparts.

Once again, accept my sincere thanks for a job well done and I wish you every success in the years ahead.


EMMANUEL R. MEDEIROS
MAJ. MG
S-3 Advisor

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

MACAG:PD

SUBJECT: Transmittal of Award

Commanding General *7m 56*
Delta Regional Assistance Command (DRAC)
APO 96215

27 AUG

1. The Commander is pleased to forward the award of the Army Commendation Medal to SFC Nguyen Minh Son, 61/182253, ARVN, TOC, S-3, Phong Dinh Province.
2. Copies of the Certificate and Orders are inclosed.
3. The medal is inclosed if this box ☐ is marked, otherwise it will be obtained from your source of supply.
4. If the recipient is no longer with the organization indicated in paragraph 1, request that this correspondence and its inclosures to include the medal be forwarded to the advisory/liaison detachment at his new unit.

FOR THE COMMANDER:

2 Incl
as

Copy Furnished (Orders)
MACOI

R. W. HAPPE
R. W. HAPPE
Captain, USA
Asst AG

MACAG FL 3
20 Jan 71. Previous editions are obsolete.

GO 3674, HQ USMACV, dated 23 August 1971 (Cont)

SAU, THAI VAN 55/152595 CPL ARVN

Dates of service: July 1970 to June 1971

SENG, CHAU VINH 69/126791 CFC ARVN

Dates of service: January 1969 to June 1971

SON, NGUYEN MINH 61/182253 SFC ARVN

Dates of service: March 1969 to June 1971

THANH, LAM VAN 57/176902 1LT ARVN

Dates of service: April 1970 to June 1971

TAO, NGUYEN VAN 62/601170 2LT ARVN

Dates of service: November 1969 to January 1971

THO, LE DINH 59/210034 1LT ARVN

Dates of service: May 1970 to April 1971

THUAN, NGUYEN VAN 61/215855 CFC ARVN

Dates of service: April 1970 to April 1971

TRI, VO KHAC 41/200993 1LT ARVN

Dates of service: July 1970 to June 1971

VINH, DONG CO 71/117988 SSG ARVN

Dates of service: June 1970 to June 1971

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

DONALD H. COWLES
Major General, USA
Chief of Staff



W. A. RUTLEDGE

Colonel, USA

Adjutant General

DISTRIBUTION:

Special

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 3674

23 August 1971

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL

1. TC 439. The following AWARDS are announced.

Awarded: Army Commendation Medal
Dates of service: As indicated
Theater: Republic of Vietnam
Authority: By direction of the Secretary of the Army under the
provisions of AR 672-5-1
Reason: For meritorious service

BON, NGUYEN VAN 57/411947 CPL ARVN
Dates of service: August 1967 to June 1971

CAN, LE TIEN 54/300840 LTC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

CHI, VO KIM 56/103439 CPT TC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

CONG, TRAN VAN 62/170759 1LT MI ARVN
Dates of service: February 1970 to May 1971

DAO, PHAM DU 59/201221 CPT TC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

DIEM, NGUYEN NGOC 68/142719 2LT ARVN
Dates of service: January 1968 to January 1971

DUONG, TRAN VAN 58/823035 SFC ARVN
Dates of service: December 1969 to February 1971

KIEM, NGUYEN QUANG 54/202813 1LT TC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

LONG, NGUYEN VAN 50/201767 LTC INF ARVN
Dates of service: August 1970 to June 1971

LONG, NGUYEN VAN 63/109972 2LT SIGC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

MUI, PHAM VAN 52/307955 CPT TC ARVN
Dates of service: April 1970 to April 1971

NHUT, NGUYEN VAN 44/101835 LTC INF ARVN
Dates of service: July 1968 to June 1971

Citation
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND

By direction of the Secretary of the Army

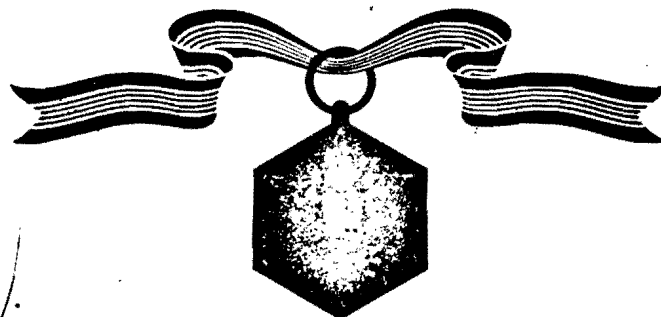
THE ARMY COMMENDATION MEDAL

is presented to

SERGEANT FIRST CLASS NGUYEN MINH SON

Army of the Republic of Vietnam

For distinguishing himself by meritorious service during the period March 1969 to June 1970 while serving as an Army of the Republic of Vietnam Interpreter and Translator Phong Dinh Province Tactical Operations Center, Advisory Team 56, Delta Military Assistance Command, United States Military Assistance Command, Vietnam. Throughout this assignment, Sergeant SON obtained outstanding results despite the adverse conditions incident to a combat environment. With a sense of urgency to complete his mission, he set an example that inspired his associates to strive for maximum performance. By his personal endeavor and devotion to duty, he assisted materially in the success and effectiveness of the Armed Forces of the Republic of Vietnam. Sergeant First Class SON's performance of duty reflects great credit upon himself and the Armed Forces of the Republic of Vietnam.



DEPARTMENT OF THE ARMY

**THIS IS TO CERTIFY THAT
THE SECRETARY OF THE ARMY HAS AWARDED
THE ARMY COMMENDATION MEDAL**

TO

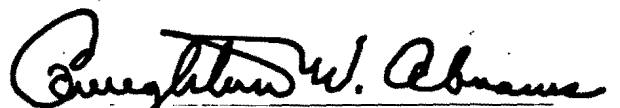
SERGEANT FIRST CLASS NGUYEN MINH SON, 61/182253, ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

FOR

MERITORIOUS SERVICE IN THE REPUBLIC OF VIETNAM FROM MARCH 1969 TO JUNE 1971

GIVEN UNDER MY HAND IN THE CITY OF WASHINGTON

THIS 23rd DAY OF AUGUST 1971


CREIGHTON W. ABRAMS
General, United States Army




ROBERT J. FROELKE
SECRETARY OF THE ARMY

CONTROL

☒ Card
☐ Doc. Request; Form
☒ Release Order
☐ Computer
☒ Form "D"
☒ ODP/Date 1/87
☐ Membership; Letter *to VN*
Mr Son

DÃ VÕ COMP.